

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 612/QĐ-ĐHKTQD ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Hiệu trưởng)

CHƯƠNG TRÌNH (PROGRAMME):	CỬ NHÂN KIỂM TOÁN (BACHELOR OF AUDITING)
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO (LEVEL OF EDUCATION):	ĐẠI HỌC (UNDERGRADUATE)
NGÀNH ĐÀO TẠO (MAJOR):	KIỂM TOÁN (AUDITING)
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO (CODE):	7340302
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO (TYPE OF EDUCATION):	CHÍNH QUY (FULL - TIME)

1. MỤC TIÊU

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Kiểm toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, quản trị kinh doanh và chính trị - xã hội; nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về kiểm toán, kế toán; có khả năng tham gia thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán hoạt động hay kiểm toán tuân thủ trong doanh nghiệp kiểm toán, kiểm toán nhà nước hay kiểm toán nội bộ; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- *Về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:* đạt chuẩn đầu ra theo quy định tại Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- *Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp:*

+ Kiểm toán viên trong Cơ quan Kiểm toán Nhà nước, các công ty kiểm toán độc lập trong và ngoài nước; kiểm toán viên nội bộ trong các ngân hàng thương mại, tập đoàn kinh tế, công ty niêm yết hay các đơn vị hành chính sự nghiệp thuộc diện bắt buộc phải có kiểm toán nội bộ theo Nghị định số 05/2019/NĐ-CP. Cán bộ trong cơ quan thanh tra, cơ quan thuế, kho bạc nhà nước.

+ Cán bộ nghiên cứu, giảng viên giảng dạy về kiểm toán hay kế toán tại các Trường, Học viện, Viện hay Trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực kiểm toán, kế toán.

+ Cử nhân ngành Kiểm toán cũng có thể làm cán bộ kế toán, tài chính và thuế trong các loại hình doanh nghiệp của nền kinh tế, các ngân hàng thương mại, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ.

+ Khi được trang bị chứng chỉ nghề nghiệp, cử nhân ngành Kiểm toán có thể tự tạo lập công ty dịch vụ kiểm toán, kế toán và tư vấn tài chính để phát triển các cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân.

- **Trình độ ngoại ngữ và tin học:** đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. CHUẨN ĐẦU RA (theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT)

2.1. Kiến thức:

Cử nhân Kiểm toán được trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, quản trị kinh doanh và chính trị - xã hội; những kiến thức chuyên sâu và hiện đại về kiểm toán và kế toán để thực hiện các loại hình kiểm toán tài chính, kiểm toán hoạt động và tư vấn ở các chủ thể kiểm toán (doanh nghiệp kiểm toán, kiểm toán nội bộ, kiểm toán nhà nước,...); có ý thức đạo đức nghề nghiệp kiểm toán và trình độ chuyên môn để tối đa hóa lợi ích của đơn vị kiểm toán trên cơ sở tuân thủ pháp luật của Nhà nước.

2.2. Kỹ năng:

Kỹ năng chuyên môn:

- + Kỹ năng xử lý ghi nhận các giao dịch kinh tế phát sinh vào sổ sách kế toán
- + Kỹ năng lập và trình bày các báo cáo tài chính và các báo cáo kế toán quản trị theo yêu cầu cung cấp thông tin cho nhà quản lý
- + Kỹ năng thu thập bằng chứng và thực hiện các thủ tục kiểm toán trong hoạt động kiểm toán
- + Kỹ năng phân tích, hoạch định, tổ chức, giám sát và đánh giá về kế toán, kiểm toán, tài chính

Kỹ năng mềm:

- + Kỹ năng làm việc độc lập: Khả năng tự học, và nghiên cứu khoa học độc lập, biết soạn thảo các văn bản kinh tế.
- + Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình: Trình bày một cách rõ ràng, tự tin và thuyết phục các chủ đề về kinh tế xã hội.
- + Kỹ năng phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách khoa học.
- + Kỹ năng làm việc và tổ chức công việc theo nhóm.
- + Kỹ năng giao tiếp và trao đổi hiệu quả với đơn vị được kiểm toán.
- + Kỹ năng tư duy logic: kỹ năng nhìn nhận và phân tích các vấn đề trong mối quan hệ nhân quả. Kỹ năng này giúp nhận diện các rủi ro tiềm tàng, rủi ro kiểm soát và rủi ro kiểm toán dự kiến để tiến hành khoanh vùng và thực hiện kiểm toán.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Cử nhân Kiểm toán có đạo đức, trung thực, bản lĩnh và trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong công việc. Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ kiểm toán; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề nghiệp vụ và kỹ thuật phức tạp về kiểm toán, kế toán; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 131 tín chỉ

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP: Thời gian đào tạo 4 năm theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ: Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

7. CẤU TRÚC, NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

7.1. Cấu trúc kiến thức

Kiến thức	Khối lượng (Tín chỉ)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương	44	
1.1. Các học phần chung	20	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ
1.2. Các học phần của Trường	12	Trường quy định bắt buộc
1.3. Các học phần của ngành	12	Khoa tự chọn từ tổ hợp của Trường quy định
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	87	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	12	
2.1.1. Các học phần của Trường	6	Khoa tự chọn từ tổ hợp của Trường quy định

2.1.2. Các học phần của ngành	6	Khoa tự xây dựng
2.2. Kiến thức ngành	47	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	32	
2.2.2. Các học phần tự chọn	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
2.3. Kiến thức chuyên sâu	18	SV tự chọn 18 tín chỉ (6 học phần)
2.4. Chuyên đề thực tập	10	
TỔNG SỐ	131	Không kể GDQP-AN và GDTC

7.2. Nội dung và Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

TT	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (NGÀNH KIỂM TOÁN)		MÃ HP/BM	SỐ TC	BỐ TRÍ CÁC HỌC KỲ							
					1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ			131	18	17	18	20	15	17	1 6	1 0
	1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			44	18	11	6	5	0	0	4	0
	1.1. Các học phần chung			20	6	5	3	2	0	0	4	0
1	1	Triết học Mác-Lênin Phylosophy of Maxism-Leninism	LLNL1105	3	3							
2	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Political economics of Maxism-Leninism	LLNL1106	2		2						
3	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2			2					
4	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese Communist Party	LLDL1102	2							2	
5	5	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2							2	
6	6	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9	3	3	3					

		Giáo dục thể chất Physical Education	GDTC	4								
		Giáo dục quốc phòng và an ninh Military Education	GDQP	8								
	1.2. Các học phần của Trường			12	9	0	0	3	0	0	0	0
6	1	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3	3							
7	2	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	3							
8	3	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI1101	3	3							
9	4	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA1101	3				3				
	1.3. Các học phần của ngành			12	3	6	3	0	0	0	0	0
10	1	Quản trị kinh doanh 1 Business Administration 1	QTTH1102	3		3						
11	2	Lý thuyết tài chính tiền tệ Monetary and Financial Theories	NHLT1107	3	3							
12	3	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE1101	3		3						
13	4	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Statistics for Economic and Business	TKKD1129	3			3					
	2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			87	0	6	12	15	15	17	1	1
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành			12	0	6	6	0	0	0	0	0
14	1	Kế toán tài chính 1 Financial Accounting 1	KTTC1106	3		3						
15	2	Kế toán chi phí Cost Accounting	KTQT1109	3		3						
16	3	Kế toán tài chính 2 Financial Accounting 2	KTTC1107	3			3					

17	4	Kiểm toán căn bản Basic Auditing	KTKI1101	3			3					
2.2. Kiến thức ngành				75	0	0	6	15	15	8	3	0
2.2.1. Các học phần bắt buộc				32	0	0	3	9	9	8	3	0
18	1	Kế toán tài chính 3 Financial Accounting 3	KTTC1114	3			3					
19	2	Kế toán quản trị 1 Managerial Accounting 1	KTQT1103	3			3					
20	3	Kế toán công 1 Accounting for Public Sector 1	KTKE1109	3			3					
21	4	Kiểm toán hoạt động Operational Audit	KTKI1106	3							3	
22	5	Phân tích báo cáo tài chính Financial Statement Analysis	KTTC1111	3			3					
23	6	Hệ thống thông tin kế toán 1 Accounting Information Systems 1	KTHT1101	3					3			
24	7	Kiểm toán tài chính 1 Financial Auditing 1	KTKI1108	3					3			
25	8	Kiểm toán nội bộ Internal Audit	KTKI1115	3					3			
26	9	Kiểm toán tài chính 2 Financial Auditing 2	KTKI1109	3						3		
27	10	Thực tập kế toán Accounting Internship	KTTC1116	3						3		
28	11	Đề án môn học - Kiểm toán Essay on Auditing	KTKI1110	2						2		
2.2.2. Các học phần tự chọn (Sinh viên lựa chọn 5 học phần)				15	0	0	3	6	6	0	0	0
29	1	Lịch sử kinh tế Economic History	KHEH1105	3								
30	2	Thẩm định dự án đầu tư Investment Project	DTKT1170	3								

31		Appraisal																	
32	3	Kiểm soát nội bộ Internal Control	KTKI1114	3															
33	4	Kế toán điều tra Forensic Accounting	KTKE1111	3															
	5	Phân tích kinh doanh Business Analysis	KTQT1107	3															
	6	Kế toán quản trị 2 Managerial Accounting 2	KTQT1106	3															
	7	Kế toán nâng cao 1 Advanced Accounting 1	KTTC1117	3															
	8	Phân tích dữ liệu trong kế toán Data Analytics in Accounting	KTHT1104	3															
	9	Kiểm soát quản lý Management Control	KTKI1105	3															
	10	Tiếng Anh ngành kế toán English for Accounting	KTTC1112	3															
	11	Quản lý học 1 Essentials of Management 1	QLKT1101	3															
2.3. Kiến thức bắt buộc chuyên sâu (Sinh viên lựa chọn 6 học phần)					18	0	0	0	0	0	0	0	9	9	0				
34	1	Kế toán nâng cao 2 Advanced Accounting 2	KTTC1118	3															
35	2	Hệ thống thông tin kế toán 2 Accounting Information Systems 2	KTHT1102	3															
36	3	Kế toán công 2 Accounting for Public Sector 2	KTKE1110	3															
37	4	Kế toán ngân hàng Accounting for Banking	NHTM1107	3															
38	5	Kế toán dự án đầu tư Investment Project	KTKE1107	3															
39																			

		Accounting											
6		Kế toán quốc tế International Accounting	KTKE1108	3									
7		Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính Practicing an Financial Audit	KTKI1116	3									
8		Quản trị tài chính Financial Management	NHTC1102	3									
9		Tài chính công Public Finance	NHCO1107	3									
10		Chuyên đề kiểm toán Contemporary Issues in Auditing	KTKI1118	3									
11		Thuế Taxation	NHCO1111	3									
12		Ngân hàng thương mại Commercial Bank	NHTM1121	3									
13		Kiểm toán tài chính 3 Financial Auditing 3	KTKI1119	3									
40	2.4	Chuyên đề thực tập (Internship Programme)	KTKI1103	10									10
Đạt Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học và GDQP & AN, GDTC theo quy định của Trường													

8. Hướng dẫn thực hiện

- Chương trình đào tạo được thực hiện trong 04 năm, mỗi năm có 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ (học kỳ hè) theo học chế tín chỉ. Sinh viên nhập học được đăng ký học mặc định trong học kỳ 1, các học kỳ sau sinh viên tự đăng ký học theo kế hoạch giảng dạy của trường. Các học phần được sắp xếp linh hoạt theo từng học kỳ, sinh viên có thể đăng ký học trước hoặc sau các học phần, không bắt buộc theo trình tự của kế hoạch dự kiến nếu đáp ứng các điều kiện của học phần đăng ký. Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với thời gian thiết kế.

- Nội dung cần đạt được của từng học phần, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong Đề cương chi tiết mỗi học phần.

- Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên cần tích lũy đủ khối lượng kiến thức của Chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra tin học và ngoại ngữ, có chứng chỉ GDQP-AN và hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.

VIỆN TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS NGUYỄN HỮU ÁNH

PGS.TS PHẠM HỒNG CHƯƠNG